

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 04-12-2024
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Giàu.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và đòi lại tài sản”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Huỳnh N, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thái Thị Huỳnh N trình bày:

Bà N và ông L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1981, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Ông bà đã ly hôn vào tháng 6/2016 (tại Bản án số 24 ngày 09/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, về tài sản chung, nợ chung ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết). Đến năm 2023, ông L khởi kiện chia tài sản chung là phần đất, nhà, còn về phần tài sản khác và nợ chung chưa chia. Khi giải quyết ly hôn tại Bản án số 24 bà cũng có kê khai nhưng do bà chưa có tiền đóng tạm ứng án phí nên bà cũng chưa yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung chưa chia gồm có:

01 xe mô tô 02 bánh hiệu Vision biển số 70H1-564.70 giấy chứng nhận đăng ký đứng tên Trần Văn L, trị giá 8.000.000 đồng, xe và giấy tờ xe hiện tại ông L đang giữ và 01 chiếc xe mô tô 02 bánh hiệu Wave biển số 70H1-543.33 giấy chứng nhận đăng ký đứng tên ông Trần Văn L, trị giá 7.000.000 đồng, xe và giấy tờ xe ông L đang sử dụng. Xe Wave bà mua ở Sa lon N, tại H, Tây Ninh, bà không nhớ mua năm nào, chiếc xe còn lại do ông L đi mua ở dưới H, Tây Ninh, mua xe cũ của người khác, không nhớ mua bao nhiêu tiền, không nhớ mua năm nào. Khi đó 02 chiếc xe đều đứng tên của bà, sau đó bà đưa giấy tờ xe cho ông L giữ (do bà bị bệnh nằm viện) nên ông L đã đổi sang tên ông L.

Số tiền mặt 50.000.000 đồng bà bị bệnh đi điều trị tại bệnh viện nên đã đưa cho ông L giữ nhưng ông L không chi tiêu cho gia đình, trị bệnh cho bà. 05 chỉ vàng 24K ông L mượn của bà, ông L cho mẹ ruột mượn, trị giá 27.500.000 đồng; 01 chỉ vàng 18K và số tiền 500.000 đồng ông L mượn của bà, ông L cho anh ruột mượn, trị giá (01 chỉ vàng và tiền) là 4.000.000 đồng. Đối với số tiền vàng bà đưa cho ông L khoảng hơn 30 năm về trước, khi đưa không làm giấy tờ vì khi đó ông bà là vợ chồng, bà không có chứng cứ gì chứng minh về việc đưa tiền và vàng cho ông L.

Về nợ chung chưa chia gồm có:

Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 8.000.000 đồng; nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T số tiền 25.000.000 đồng; nợ bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh số tiền 25.000.000 đồng. Đối với nợ 02 ngân hàng bà đã tự trả xong, nợ bà H chưa trả. Vay Ngân hàng để sử dụng chung trong gia đình, vay của bà H để đóng tiền lãi 02 ngân hàng. Các khoản nợ đều không nhớ thời gian vay. Riêng đối với khoản tiền vay của bà H thì bà đóng lãi hàng tháng 1.250.000 đồng/tháng, chưa trả được tiền gốc.

Trị giá tài sản chung bà yêu cầu chia là 96.500.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung, bà và ông L mỗi người nhận một nửa 48.250.000 đồng. Bà yêu cầu ông L trả cho bà 50% số tiền nợ chung mà bà đã trả cho Ngân hàng và chưa trả cho bà H là 29.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Trần Văn L trình bày:

Xe mô tô hai bánh hiệu Vision biển số 70H1 – 564.70, đây không phải là xe Vision như bà N khai mà là xe KYMCO, số máy RRMVA25001288, số khung RRM9CJ1RMCA001288 biển số 70H1-564.70 cấp ngày 17/5/2022, giấy xe đứng tên ông Trần Văn L. Nguồn gốc xe: sau khi ly hôn năm 2016 thì ông đi làm mượn cho em của ông ở thành phố T, tỉnh Tây Ninh, thấy xe bán rẻ nên ông mua, không nhớ mua bao nhiêu tiền. Ông mua xe cũ của người khác, có làm giấy tay, hiện tại đã quên người bán xe cho ông, khi làm giấy tờ xe ông đã giao nộp cho công an huyện T để làm giấy xe chính chủ.

01 xe Wave biển số 70H1 – 543.33, xe hiệu FAME, số máy FAME99020365, số khung AME2010165. Nguồn gốc xe do ông và bà N đi mua vào khoảng 20 năm về trước mua khoảng 16.000.000 đồng, hay 18.000.000 đồng ông không nhớ, mua ở salon N chợ L1, H, Tây Ninh. Giấy tờ xe khi mua bà N đứng tên. Khi ly hôn năm 2016, ông và bà N không ai yêu cầu chia tài sản chung, bà N không cho ông chạy chiếc xe này, mấy ngày sau bà N mang xe đi bán. Ông hỏi bà N xe đâu mà bà đón xe buýt về, bà N trả lời *“mày không có quyền hỏi chiếc xe này, tao muốn làm gì thì tao làm”*. Anh T là con trai ông nói với ông *“ông đưa tôi 3.000.000 đồng rồi tôi đưa xe với giấy cho”*, ông nói *“bây giờ bà đưa tao 2.500.000 đồng thì bà lấy chiếc xe đó là quyền của bà”*. Bà N không chịu. Ông quyết định lấy xe và đưa cho anh T 3.000.000 đồng, không làm giấy tờ về việc đưa tiền. Anh T giao xe cho ông cũng không làm giấy tờ. Anh T đưa giấy xe bà N đứng tên và xe cho ông. Đến năm 2022 ông cầm giấy tờ và xe đi đăng ký chính chủ. Đối với số tiền 50.000.000 đồng, 05 chỉ vàng 24K và 01 chỉ vàng 18K và số tiền 500.000 đồng như bà N khai là không có, ông không biết số tiền và vàng này, ông và anh T còn đi vay tiền về để đi trị bệnh cho bà N.

Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 8.000.000 đồng và nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện T số tiền 25.000.000 đồng, các khoản nợ này ông biết nhưng ông đã đưa tiền cho bà N đi trả nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Đối với nợ bà Lê Thị Thu H số tiền 25.000.000 đồng ông hoàn toàn không biết. Khi ông chia tài sản vào năm 2023 thì khi đó ông bà không có nợ chung nên ông bà không đề nghị chia.

Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà N vì yêu cầu của bà N là hoàn toàn không có.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Huỳnh N đối với ông Trần Văn L về việc *“Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và đòi lại tài sản”*.

Buộc ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị Huỳnh N tổng số tiền 17.300.000 (mười bảy triệu ba trăm nghìn) đồng gồm: trị giá xe mô tô biển số 70H1 – 543.33 số tiền 2.000.000 đồng và 15.300.000 đồng (tiền bà N đã trả cho

Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T).

Ông Trần Văn L được quyền quản lý, sử dụng 01 xe hiệu FAME, biển số 70H1 – 543.33, số máy FAME99020365, số khung AME2010165, giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 08/02/2022 do ông Trần Văn L đứng tên.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Huỳnh N về việc yêu cầu ông Trần Văn L chia tài sản đối với số tiền 50.500.000 đồng; 05 chỉ vàng 24K; 01 chỉ vàng 18K và 01 xe KYMCO, 70H1-564.70, số máy RRMVA25001288, số khung RRM9CJ1RMCA001288, giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 17/5/2022 do ông Trần Văn L đứng tên.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Huỳnh N yêu cầu ông Trần Văn L chia 50% số tiền 2.400.000 đồng bà Thái Thị Huỳnh N đã trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn L phải chịu 1.065.000 (một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thái Thị Huỳnh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 08 tháng 10 năm 2024, bị đơn ông Trần Văn L làm đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Huỳnh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn ông Trần Văn L.

Về án phí: Ông Trần Văn L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí, tại cấp sơ thẩm do ông L không có đơn miễn án phí nên đã buộc ông L chịu án phí. Tại cấp phúc thẩm ông L đã có đơn xin miễn án phí nên ông L được miễn án phí theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm số: 61/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn L là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Ngày 09/01/2024 bà N khởi kiện yêu cầu ông L chia phần tài sản chung chưa chia gồm: Số tiền 50.500.000 đồng; 05 chỉ vàng 24K; 01 chỉ vàng 18K; 01 xe hiệu FAME, biển số 70H1 – 543.33; 01 xe KYMCO, biển số 70H1-564.70 và yêu cầu ông L cùng bà trả nợ Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh số tiền 5.600.000 đồng và số tiền nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh Tây Ninh số tiền 25.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5707-LAV-201503012. Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N buộc ông L trả lại cho bà N số tiền tổng cộng là 17.300.000 đồng. Bà N không kháng cáo, ông L kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Văn L thấy rằng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu FAME, biển số 70H1-543.33, cấp ngày 08/02/2022, hiện tại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do ông Trần Văn L đứng tên. Nguồn gốc xe do bà N và ông L cùng đi mua. Ông L cho rằng do ông đã trả cho bà N số tiền 3.000.000 đồng và bà N đưa cho ông giấy tờ xe để ông đi đăng ký lại nhưng ông không có chứng cứ chứng minh về việc này. Đây là tài sản chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân chưa chia, do đó, việc bà N yêu cầu chia đôi đối với xe biển số 70H1 – 543.33 là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản nợ Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 25/11/2011 số tiền 8.000.000 đồng và khoản nợ tại Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T ngày 07/5/2015 bà N, ông L có vay số tiền 25.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5707-LAV-201503012, có chữ ký của bà N và ông L. Đây là những khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông L thừa nhận có biết các khoản vay này và cho rằng đã giao tiền cho bà N tất toán các khoản vay này nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, các khoản vay này được bà N tự thanh toán theo từng tháng cho Ngân hàng, hiện bà N đã tất toán xong. Bà N trả hai khoản nợ này sau khi ly hôn với ông L. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông L chia đôi tài sản và chia số tiền đã trả cho Ngân hàng là có căn cứ.

Xét thấy cấp sơ thẩm buộc ông L chia cho bà N 50% trị giá xe hiệu FAME, biển số 70H1-543.33 là 2.000.000 đồng và buộc ông L trả lại cho bà hai khoản nợ Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh; nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T số tiền 15.300.000 đồng, tổng số tiền ông L phải trả cho bà N là 17.300.000 đồng (mười bảy triệu đồng) là có căn cứ,

đúng quy định. Do đó, việc ông L kháng cáo không đồng ý trả lại cho bà N số tiền trên là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Thị Huỳnh N và Trần Văn L là người cao tuổi. Bà N có đơn xin miễn án phí nên cấp sơ thẩm miễn án phí cho bà N theo quy định. Riêng ông L không có đơn xin miễn án phí nên cấp sơ thẩm không xem xét miễn án phí cho ông L. Nhưng sau khi xét xử sơ thẩm ông L có làm đơn xin miễn án phí do ông là người cao tuổi nên cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm về phần án phí cho ông L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn L được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn L. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về phần án phí.

Căn cứ các Điều 33, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Huỳnh N đối với ông Trần Văn L về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và đòi lại tài sản”.

1.1. Buộc ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Thái Thị Huỳnh N tổng số tiền 17.300.000 (mười bảy triệu ba trăm nghìn) đồng gồm: trị giá xe mô tô biển số 70H1 – 543.33 số tiền 2.000.000 đồng và 15.300.000 đồng (tiền bà N đã trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh và Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản

2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Ông Trần Văn L được quyền quản lý, sử dụng 01 xe hiệu FAME, biển số 70H1 – 543.33, số máy FAME99020365, số khung AME2010165, giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 08/02/2022 do ông Trần Văn L đứng tên.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Huỳnh N về việc yêu cầu ông Trần Văn L chia tài sản đối với số tiền 50.500.000 đồng; 05 chỉ vàng 24K; 01 chỉ vàng 18K và 01 xe KYMCO, 70H1-564.70, số máy RRMVA25001288, số khung RRM9CJ1RMCA001288, giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 17/5/2022 do ông Trần Văn L đứng tên.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Huỳnh N yêu cầu ông Trần Văn L chia 50% số tiền 2.400.000 đồng bà Thái Thị Huỳnh N đã trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Thị Huỳnh N và ông Trần Văn L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

5. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn L được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh.
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- TAND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Giàu

